

ĐỔI MỚI NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TRIẾT HỌC Ở HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC I TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

VŨ TRỌNG DUNG (*)

Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy triết học là một yêu cầu bức xúc, một nhiệm vụ quan trọng. Song, để đảm bảo chất lượng và tính hiệu quả, quá trình đó cần tuân thủ các nguyên tắc: một là, tính đến đặc thù của môn triết học; hai là, tính đến đặc thù của đối tượng giảng dạy. Theo tác giả, trong đổi mới nội dung giảng dạy, cần coi trọng việc đổi mới công tác biên soạn giáo trình, bảo đảm chiều sâu cũng như yêu cầu gắn lý luận với thực tiễn trong giảng dạy từng học phần, từng bài giảng. Trong đổi mới phương pháp, cần kết hợp phương pháp thuyết trình – một phương pháp giảng dạy truyền thống với các phương pháp tích cực khác, như nêu vấn đề, thảo luận theo nhóm, hỏi đáp... gắn với sử dụng các phương tiện hiện đại nhằm khơi gợi, phát huy tính tích cực, chủ động và độc lập suy nghĩ của người học.

Hiện nay, quá trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng như sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ... ở nước ta đang đặt ra những yêu cầu mới rất cao đối với nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo nói chung; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý nói riêng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã khẳng định rằng, chúng ta phải "Đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng trong Đảng, trước hết cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp; đổi mới nội dung, phương pháp học tập và giảng dạy trong hệ thống trường chính trị, nâng cao tính thiết thực và hiệu quả của chương trình"(1).

Vì vậy, việc tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy triết học ở Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học là nhiệm vụ thường xuyên. Tuy nhiên, theo chúng tôi, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy triết học phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

Một là, phải tính đến đặc thù của môn triết học.

Đặc thù của khoa học triết học là ở chỗ, trong sự phản ánh hiện thực, tri thức triết học có tính khái quát hoá, trừu tượng hoá cao và được biểu đạt bằng hệ thống các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật. Hơn nữa, triết học là môn khoa học lý thuyết, chứ không phải môn khoa học ứng dụng. Chính vì vậy, môn học này thiên về những kiến thức hàn lâm và hầu như không có những mô hình thực nghiệm, ứng dụng, trực quan, nên không thể sơ đồ hóa bài giảng một cách máy móc. Môn triết học có chức năng cơ bản là trang bị thế giới quan và phương pháp luận cho người học. Vì thế, việc giảng dạy triết học Mác - Lênin phải đạt được mục đích là giúp người học xác lập cho mình thế giới quan và phương pháp luận khoa học cả trong nhận thức lẫn hoạt

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trưởng Khoa Triết học, Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.131.

động thực tiễn. Với một chuyên đề, một bài giảng của môn triết học Mác - Lênin mà giảng viên chỉ giảng trong phạm vi một nửa thời gian, nửa thời gian còn lại dành cho học viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu như một số môn học khác, theo chúng tôi, là *không phù hợp*. Cách làm này không những không giúp nâng cao, mà ngược lại, còn làm giảm sút chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo.

Hai là, phải tính đến đặc thù của đối tượng giảng dạy.

Đối tượng giảng dạy – những học viên của Học viện Chính trị khu vực I, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh là “cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp huyện, quận, thị, các ban, ngành Trung ương, tỉnh, thành và các doanh nghiệp nhà nước”(2). Họ không chỉ có trình độ chuyên môn từ cử nhân trở lên, mà còn có vốn sống thực tiễn tương đối sâu rộng và là cán bộ làm công tác Đảng lâu năm. Họ có nhu cầu nâng cao trình độ lý luận, nâng cao năng lực tư duy khoa học và hoạch định chiến lược. Nhìn chung, các học viên của Học viện Chính trị khu vực I có kiến thức chuyên môn và thực tiễn sâu rộng, có năng lực và kinh nghiệm quản lý cao, khá toàn diện. Đó là những điều kiện thuận lợi cho việc học tập, nghiên cứu và tiếp thu lý luận. Tuy nhiên, điểm hạn chế chung của họ là ở chỗ, họ không có sự đồng đều về kiến thức triết học. Một số ít học viên đã học tập môn triết học qua chương trình đào tạo cao học và nghiên cứu sinh không chuyên triết. Với các đối tượng này, việc học tập triết học đối với họ rất thuận lợi. Nhưng đa số học viên vốn trước đây là sinh viên ở các khoa không chuyên triết; do đó, việc học triết học đối với họ chỉ là “cuối ngựa xem hoa”, đối với học viên là người dân tộc thiểu số lại càng khó khăn hơn. Do chưa có đủ tri thức ở bậc đại học và kinh nghiệm thực tiễn cần thiết nên khi

nói đến triết học, họ chỉ “kính nhi viễn chi”. Vì vậy, họ chưa thấy được tính thiết thực của việc học tập triết học. Tuy nhiên, cũng phải nói rằng, việc người học chưa thấy được tính thiết thực của việc học tập triết học, một phần còn là do người dạy triết học. Hồ Chí Minh đã có lần kể một câu chuyện, rằng:

“Hồi kháng chiến chống Pháp, có một lần Bác đi công tác về, thấy một số đồng chí đang nghỉ ở một gốc cây đa to, bóng mát.

Bác hỏi:

- Các cô, các chú đi đâu về?
- Chúng cháu đi học về.
- Học cái gì?
- Học Các Mác.
- Có hay không?
- Hay lắm!
- Có hiểu không?

Họ áp úng trả lời:

- Thưa Bác, nhiều cái khó quá, không hiểu được.

Như vậy là học không thiết thực”(3).

Ở đây, nguyên nhân dẫn đến “học không thiết thực” lại là do người dạy: có thể giảng viên rất nhiệt tình, rất say sưa, nhưng nói nhiều quá hoặc dùng từ ngữ cao xa cộng với cách dạy mang tính áp đặt, giáo điều...; nghĩa là người giảng chưa có phương pháp giảng dạy thích hợp, cho nên người học không hiểu.

Có thể nói một cách khái quát rằng, đa số học viên tham dự học tập lý luận ở Học viện Chính trị khu vực I không còn nhớ những kiến thức cơ bản về triết học đã được

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Quyết định số 61 - QĐ/TW của Bộ Chính trị ngày 10-3-1993 về việc sắp xếp lại các trường Đảng Trung ương, chuyển Học viện Nguyễn Ái Quốc thành Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.*

(3) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.12. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 209.

học ở các trường đại học không chuyên ngành triết học trước đây. Nếu cho rằng, ở các trường đại học, học viên đã biết triết học cả rồi, nên chương trình cao cấp lý luận chính trị không cần phải giảng kỹ lưỡng triết học nữa là một *sai lầm*, là *cắt xén* triết học mácxít. Bởi vì, như mọi người đều biết, chương trình triết học ở các trường đại học chỉ là sơ cấp về lý luận. Chương trình cao cấp lý luận chính trị cao hơn rất nhiều lần so với chương trình triết học ở các trường đại học không chuyên triết học. Người học phải nắm chắc lịch sử cũng như nội dung của mỗi khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật; phải hiểu sâu tư tưởng của các nhà kinh điển mácxít về các vấn đề và sự phát triển của các vấn đề đó trong giai đoạn hiện nay, từ đó mà nâng cao năng lực tư duy lý luận cho mình. Vì thế, kiến thức triết học đối với *phần lớn học viên* vẫn như là mới. Thêm nữa, do tính trừu tượng của môn học, nên việc học tập đối với học viên vẫn rất khó khăn. Mặt khác, chúng ta cần phải thấy điểm yếu chung của học viên là ở chỗ, họ là những nhà lãnh đạo, quản lý trực tiếp chỉ đạo hoạt động thực tiễn, quen với kinh nghiệm, nhưng lại thiếu hiểu biết đầy đủ về lý luận. Được tập trung về Học viện học tập, họ cần nắm bắt lý luận một cách tương đối hệ thống để có cơ sở làm việc tốt hơn, khoa học hơn.

Vấn đề đặt ra là, thông qua giảng dạy các học phần của môn triết học Mác - Lênin, giảng viên phải giúp người học có tri thức triết học và biết vận dụng những tri thức đó vào công tác quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, quản lý xã hội một cách có hiệu quả; hình thành bản lĩnh chính trị vững vàng và tư duy khoa học trong lãnh đạo, quản lý. Các bài giảng triết học phải thiết thực cả về lý luận lẫn thực tiễn, tạo cho học viên niềm

hứng khởi học tập và ấn tượng tốt đẹp về môn học; giúp họ chủ động, ham tích lũy tri thức lý luận, nắm được bản chất của vấn đề và khắc phục cách học đối phó chỉ nhằm mục đích trả bài thi.

Để giảng dạy triết học có hiệu quả, trước hết phải đổi mới nội dung giảng dạy và học tập. Cần khẳng định rằng, giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai mặt hoạt động cơ bản của nhiệm vụ chính trị trong nhà trường ở bậc đại học, kết hợp giảng dạy với nghiên cứu khoa học là hoạt động thường nhật của Học viện. Chúng tôi xác định nhiệm vụ hàng đầu của nghiên cứu khoa học là tập trung biên soạn giáo trình. Vì vậy, từ chỗ chưa có sách phục vụ dạy và học, từ năm 1994 đến năm 2004, Khoa Triết học, Học viện Chính trị khu vực I đã biên soạn đầy đủ bộ giáo trình với 8 cuốn sách và đã được Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành cho cả 6 học phần của môn học. Nội dung từng cuốn giáo trình được biên soạn nghiêm túc, bảo đảm tính khoa học, tính tư tưởng và tính thực tiễn; trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về *Lịch sử triết học, Triết học Mác - Lênin, Logic học, Mỹ học Mác - Lênin* và *Đạo đức học Mác - Lênin*, góp phần tích cực trong việc bồi dưỡng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa cho người học.

Việc đổi mới nội dung giảng dạy của Khoa Triết học còn biểu hiện ở chỗ, từng học phần, từng chương sách, từng bài giảng đã được giảng viên đi sâu làm rõ lịch sử của từng vấn đề và tính khoa học của các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật; gắn lý luận với thực tiễn mới của thời đại, thực tiễn của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam; thực tiễn của công tác lãnh đạo, quản lý; thực tiễn của công tác tư

tưởng, lý luận của Đảng ta. Những thành tựu mới của khoa học, những vấn đề thực tiễn mới nảy sinh đã được đưa vào bài giảng triết học, mang lại cho các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật những nội dung mới, làm cho chúng mềm dẻo, linh hoạt, đáp ứng được những nhu cầu mới của cuộc sống. Trong các bài giảng, tuy ở mức độ vận dụng, người giảng đã chú ý gắn đường lối, quan điểm của Đảng, tình hình nhiệm vụ của cách mạng với nhiệm vụ của người cán bộ lãnh đạo, quản lý, góp phần bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, niềm tin, lý tưởng cộng sản và năng lực tư duy khoa học cho học viên, làm cho lý luận đi đôi với thực tiễn và phục vụ thực tiễn.

Có thể nói rằng, việc thực hiện chặt chẽ, khoa học các khâu trong quy trình giảng dạy và học tập, như biên soạn giáo trình, ôn tập, hệ thống đề thi đến cho điểm đánh giá bài thi cũng như hướng dẫn luận văn, chấm bảo vệ luận văn và chấm luận văn tốt nghiệp sẽ khơi dậy tính tích cực, chủ động, khuyến khích suy nghĩ độc lập, tự do tư tưởng, mạnh dạn tranh luận và sự kiên nhẫn, ham mê nghiên cứu, học tập triết học của học viên trong quá trình đào tạo.

Để khơi dậy tính chủ động của người học trong học tập, chúng tôi đã xây dựng kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết cho từng chương sách và phát kế hoạch này cho học viên ngay từ giờ đầu nhập môn học với mục đích hướng dẫn học viên đọc giáo trình và tài liệu tham khảo trước khi lên lớp. Trong giảng dạy, Khoa Triết học đã thực hiện lồng ghép các phương pháp hỗ trợ thuyết trình vào giờ giảng, giảm thuyết trình, tăng trao đổi, thảo luận. Chúng tôi đã thực hiện giảm 1/2 giờ giảng là giảm 1/2 thời lượng thuyết trình, 1/2 thời gian còn lại vẫn được thực hiện trên lớp để trao đổi giữa học viên với giảng viên.

Trong thời gian qua, cho dù chưa có sự đồng bộ về các mặt, như yêu cầu nội dung chương trình lớn, cơ sở vật chất thiếu thốn; sức ý của người học còn lớn, quá trình học tập của họ chỉ mới dừng lại ở mức độ đón nhận thông tin một chiều, ghi nhớ và "tái hiện" thông tin chứ chưa đạt đến trình độ sáng tạo, hoặc giảng viên mới bước đầu được bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy hiện đại...; song cán bộ, giảng viên của Học viện đã cố gắng tìm tòi, học hỏi và áp dụng vào bài giảng *nhiều phương pháp* giảng dạy hỗ trợ cho *phương pháp thuyết trình*, như *nêu tình huống, nêu ý kiến, hỏi đáp, sàng lọc, phát vấn, làm việc theo nhóm, đối thoại, xêmina...* nhằm nâng cao chất lượng bài giảng. Nhờ vậy, các bài giảng triết học (mà trước đây, khi còn học ở các trường đại học, học viên thường cho là khó, khô khan, trừu tượng) được thực hiện trên lớp hiện nay đã thực sự tạo ra sự hấp dẫn, có sức thuyết phục và cuốn hút học viên trong học tập. Học viên đã nhận thấy triết học có ý nghĩa rất lớn đối với cuộc sống và công tác của họ. Với nhiều người, học triết học đã trở thành một nhu cầu thiết thực, tư duy triết học giúp họ chủ động, tự giác hơn trong xây dựng chương trình, kế hoạch hành động. Thực tế cho thấy, thiếu tư duy triết học thì không có tư duy logic, tư duy biện chứng, tư duy khoa học trong nhận thức và hành động.

Phương pháp giảng dạy, theo nghĩa rộng, bao hàm trong đó cách thức hoạt động, tác động *giữa người dạy* (chủ thể dạy - người thầy) trực tiếp hoặc gián tiếp (qua các phương tiện như sách, nghe, nhìn) *với người học* (vừa là đối tượng của giảng dạy, vừa là chủ thể học, tự học) cùng nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung dạy học.

Trong giảng dạy có nhiều phương pháp phong phú, đa dạng. Một chủ đề, bài giảng

có thể sử dụng lồng ghép hợp lý nhiều phương pháp. Nhưng lựa chọn những phương pháp nào lại tùy thuộc vào đặc điểm của môn học, của nội dung giảng dạy và đặc điểm của người học. Từ đặc điểm của triết học là môn học có tính trừu tượng cao, từ đặc thù của đối tượng giảng dạy như đã nêu trên, theo chúng tôi, để đổi mới phương pháp giảng dạy, trước mắt cần tập trung kết hợp *phương pháp thuyết trình* với các phương pháp tích cực khác, như *nêu vấn đề, thảo luận theo nhóm, hỏi đáp... kết hợp* với *sử dụng các phương tiện hiện đại*.

Việc giảng dạy lý luận trước đây chủ yếu sử dụng *phương pháp truyền thống*, đó là *phương pháp thuyết trình*. Tuy nhiên, không thể đánh giá rằng phương pháp thuyết trình đã lạc hậu, bởi phương pháp này có tính *vượt trội* của nó. Do đó, cần phải tiếp tục sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp lồng ghép với các phương pháp khác. Một thực tế không thể phủ nhận là, chúng ta còn chưa chú ý đúng mức đến việc kết hợp thuyết trình với các *phương pháp giảng dạy* khác nhằm khuyến khích tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; chưa kết hợp sử dụng các phương tiện giảng dạy hiện đại để hỗ trợ cho phương pháp thuyết trình. Điều đó làm hạn chế ở mức độ nhất định hiệu quả của giờ học. Hiện nay, ở nhiều nước trên thế giới và cả ở nước ta, việc lồng ghép nhiều phương pháp khác nhau với việc sử dụng các phương tiện hiện đại trong giảng dạy đã trở thành một xu thế phổ biến và có những ưu thế không thể phủ nhận.

Phương pháp thuyết trình là phương pháp được sử dụng phổ biến trong việc giảng dạy các môn học lý luận ở bậc đại học. Học viện Chính trị khu vực I có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng lý luận ở trình độ tương

đương đại học, nên việc sử dụng phương pháp thuyết trình là tất yếu. Vấn đề là ở chỗ, sử dụng phương pháp này như thế nào để giờ giảng đạt hiệu quả, phù hợp với đối tượng đã nêu ở trên tùy thuộc vào năng lực của mỗi giảng viên. Điểm *ưu trội của thuyết trình* là ở chỗ, nó giúp truyền đạt được *một lượng kiến thức lớn với tính logic, hệ thống cao*. Người thuyết trình được hoàn toàn chủ động về thời gian và những vấn đề cần nhấn mạnh. Nhưng để thuyết trình hiệu quả, giảng viên phải có sự chuẩn bị bài giảng rất công phu, dự kiến những tình huống có thể xảy ra. Phương pháp thuyết trình sử dụng phương tiện cơ bản là lời nói, nên giảng viên sử dụng từ ngữ phải chặt chẽ, logic; âm điệu, ngôn ngữ, phong cách của giảng viên phải được kết hợp hài hòa, thuần thực để tránh gây ức chế cho người học.

Tuy nhiên, mặt *hạn chế của phương pháp thuyết trình* là dễ làm cho người học thụ động, mặc cảm vì sự dồn nén kiến thức, hạn chế tính tích cực, chủ động, độc lập suy nghĩ của người học. Hơn nữa, xuất phát từ đặc điểm học viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý có bề dày nhất định về kinh nghiệm sống và công tác, họ không chỉ tiếp thu kiến thức một cách xuôi chiều, mà còn luôn phản tỉnh nội tâm để điều chỉnh nhận thức và hành vi cho phù hợp. Vì vậy, giảng viên cần căn cứ vào nội dung từng bài để *lồng ghép các phương pháp* cho phù hợp.

Phương pháp giảng dạy hỗ trợ cho phương pháp thuyết trình mà chúng tôi thường sử dụng là chọn những nội dung gợi mở, nêu vấn đề, định hướng người học suy nghĩ và tự mình giải quyết vấn đề. Đó là *phương pháp nêu vấn đề*.

Phương pháp giảng dạy nêu vấn đề được nhà triết học Hy Lạp Arixtốt khởi xướng từ thời cổ đại. Đây là phương pháp hướng sự

chú ý của người học vào các tình huống có chứa đựng mâu thuẫn. Người tham gia tranh biện phải dùng lý lẽ để bảo vệ ý kiến của mình, lập luận về cách thức giải quyết mâu thuẫn và đặc biệt là phải phát hiện và bổ khuyết được chỗ yếu của đối phương. Ngày nay, phương pháp này là một trong những phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại. Nó khuyến khích người học tích cực tìm tòi, suy nghĩ, tự giải quyết những mâu thuẫn trong nhận thức để đi đến những tri thức mới. Nếu ra vấn đề đã khó, nhưng khi vấn đề đã hình thành thì việc tạo ra những tình huống để thu hút người học lại càng khó hơn. Những tình huống đó giống như một "ma lực" buộc người học phải tập trung suy nghĩ, "động não" và nhờ vậy, chất lượng bài giảng sẽ cao hơn.

Phương pháp giảng dạy trên yêu cầu giảng viên phải xuất phát từ nội dung của chủ đề bài giảng mà nêu các vấn đề để học viên suy nghĩ, thảo luận, giải đáp với sự định hướng của giảng viên. Đặc trưng của phương pháp này là phải chọn được tình huống có vấn đề. Bởi vì tư duy chỉ bắt đầu ở nơi xuất hiện tình huống có vấn đề. Nói cách khác, ở đâu không có vấn đề thì ở đó không có tư duy. Tình huống có vấn đề luôn chứa đựng những nội dung cần xác định, nhiệm vụ cần giải quyết, vướng mắc cần tháo gỡ. Phương pháp giảng dạy nêu vấn đề là cách thức đưa người học đi tới mâu thuẫn giữa những kiến thức đã biết và kiến thức chưa biết, đưa ra các câu hỏi, bài tập buộc người học phải vươn tới những kiến thức mới. Do vậy, phương pháp này có ý nghĩa kích thích tính tích cực, chủ động, sáng tạo, độc lập suy nghĩ của người học; tạo ra bầu không khí sôi nổi, dân chủ trong học tập, hướng người học tăng cường hiểu biết, làm cho quá trình tiếp thu tri thức của họ trở thành quá trình tự giác; từ đó, hình thành

cho chủ thể *phương pháp hành động mới* thiết thực, hiệu quả.

Điều cần lưu ý là, khi vận dụng phương pháp giảng dạy này, giảng viên không phải là người độc quyền trong việc đưa ra các vấn đề và phương pháp giải quyết, mà chỉ giữ vai trò là người gợi ý cho người học tìm tòi, suy nghĩ đưa ra cách giải quyết mới, những ý tưởng mới; sau khi học viên thảo luận, giảng viên phải đưa ra kết luận, coi đó là những quan điểm chính thống. Điều đó có nghĩa là dạy người học không những nắm được tri thức cần thiết trong chương trình đào tạo mà cao hơn nữa, còn phải biết vận dụng các tri thức đó để giải quyết các tình huống xuất hiện trong học tập và hoạt động thực tiễn.

Phương pháp dạy học nêu vấn đề là phương pháp năng động, "tìm kiếm" để đi đến niềm tin vào chân lý khoa học và người học sẽ tiếp nhận niềm tin ấy một cách vững chắc. V.I. Lênin đã căn dặn: "Chỉ khi nào các đồng chí biết tự mình tìm ra phương hướng trong vấn đề đó, thì các đồng chí mới có thể coi mình là đã đủ vững vàng trong những niềm tin của mình và bảo vệ những niềm tin đó một cách thắng lợi trước bất cứ người nào và bất cứ lúc nào"(4).

Điểm mấu chốt của việc thực hiện phương pháp nêu vấn đề là, trên cơ sở nghiên cứu kỹ chủ đề bài giảng, hiểu sâu, phát hiện ra các tình huống có vấn đề và bằng nghệ thuật sư phạm, giảng viên dẫn dắt người học giải quyết những tình huống có vấn đề. Tình huống có vấn đề chính là những mâu thuẫn, những bất cập, những xung đột, như mâu thuẫn giữa lý luận với thực tiễn, mâu thuẫn giữa kiến thức đã biết và kiến thức chưa biết, mâu thuẫn giữa

(4) V.I. Lênin: *Toàn tập*, t.39. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1977, tr.76-77.

quan điểm khoa học và quan điểm phản khoa học, mâu thuẫn giữa quan điểm chính diện và quan điểm phản diện, giữa đúng và sai..., những vấn đề mới nảy sinh trong tự nhiên, xã hội và tư duy cũng như trong hoạt động lãnh đạo, quản lý đang đặt ra mà người học phải suy nghĩ và giải quyết. Thông qua đó, người học có thể nắm vững kiến thức, khơi dậy và phát triển tính tích cực, sáng tạo trong học tập, góp phần thực hiện phương châm hoạt động giáo dục tiên tiến là *biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo*.

Phương pháp giảng dạy nêu vấn đề đòi hỏi sự nỗ lực, cố gắng rất cao của cả người dạy lẫn người học. Đây là phương pháp nhằm phát huy tối đa tính chủ động của các chủ thể nhận thức. Đối với người dạy, yêu cầu hàng đầu là phải luôn làm giàu trí tuệ của mình, có sự am hiểu sâu sắc vấn đề cả về lý luận lẫn thực tiễn. Họ phải đọc nhiều, hiểu biết sâu rộng và xác định được những tri thức cần đưa đến cho người học; đồng thời, phải xác định mục đích giảng dạy là không chỉ nâng cao kiến thức, sự hiểu biết, mà còn phải góp phần rèn luyện, bồi dưỡng năng lực tư duy khoa học cho người học. Người dạy phải chuẩn bị bài giảng của mình một cách phong phú, sáng tạo. Người học cần phải có sự chủ động, tích cực, say sưa học tập; đồng thời có phương pháp học tập tốt, tích cực tham gia giải quyết các vấn đề mà người dạy đưa ra qua mỗi bài giảng. Điều đó đòi hỏi người học cũng phải có một lượng kiến thức, một trình độ tư duy nhất định.

Song, do tính đặc thù của môn triết học như đã nói trên, cùng với những điều kiện hiện tại về nội dung chương trình, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (phòng học, bàn ghế, các phương tiện hỗ trợ giảng dạy khác...), số lượng học viên cũng như tâm lý của họ còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng

được tiêu chuẩn của một lớp học hiện đại, nên phương pháp phù hợp nhất và phổ biến nhất vẫn là phương pháp thuyết trình. Bởi vì, về sự học, từ ngàn đời nay dân tộc ta đã tổng kết: “Không thầy đố mày làm nên”. Mặt khác, học viên đi học nhằm trang bị lý luận, bồi dưỡng kiến thức để vận dụng vào công tác lãnh đạo, quản lý, chứ họ không phải là học viên cao học hay nghiên cứu sinh triết học. Vì vậy, những phương pháp khác chỉ là sự bổ sung, hỗ trợ cho phương pháp thuyết trình nhằm: *một mặt*, tránh sự nhàm chán, tẻ nhạt của phương pháp thuyết trình; *mặt khác*, kích thích tư duy của người học, tạo lập cho họ thói quen tích cực, không thụ động...

Nói như vậy không có nghĩa là tuyệt đối hoá phương pháp thuyết trình, coi thuyết trình là “công cụ” vạn năng và duy nhất, mà phải đặt nó trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của môn học và điều kiện hiện có của học tập và giảng dạy. Để thực hiện hiệu quả việc lồng ghép các phương pháp phải có đủ những điều kiện cần thiết và cần có sự hỗ trợ của các phương tiện giảng dạy, học tập khác, như tài liệu nghiên cứu, máy chiếu hắt, bảng trong, máy chiếu đa năng (projector), bảng phấn, bảng ghim, giấy khổ lớn...

Tóm lại, đổi mới phương pháp giảng dạy phải có sự kết hợp nhiều phương pháp. Thực chất của đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập triết học là nhà trường, giảng viên phải căn cứ vào đặc thù của môn triết học, của đối tượng giảng dạy và mục tiêu đào tạo để tìm ra phương pháp giảng dạy hiệu quả nhất. Quá trình này đòi hỏi người thầy phải không ngừng hoàn thiện mình từ việc nâng cao trình độ, cập nhật tri thức mới đến phát huy tính năng động, sáng tạo trong việc lựa chọn phương pháp giảng dạy thích hợp để khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập của người học. □